

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 14/05/2024

“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-DS ngày 18/03/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-DS ngày 16/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị C.

Cùng địa chỉ: Số 111/121 đường H, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hải D – có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 02 B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Th – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bên nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Kim Th có vay của ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị C nhiều lần tiền như sau:

Đợt 01 vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 18/9/2012 (âm lịch).

Đợt 02 vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 18/11/2012 (âm lịch).
Đợt 03 vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 24/11/2013 (âm lịch).
Đợt 04 vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 04/03/2015 (âm lịch).
Đợt 05 vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 13/11/2015 (dương lịch).
Đợt 06 vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 24/12/2015 (âm lịch).
Đợt 07 vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 23/04/2016 (âm lịch).
Đợt 08 vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 07/09/2016 (âm lịch).
Đợt 09 vay số tiền 95.000.000 đồng vào ngày 01/04/2017 (âm lịch).

Tổng số tiền gốc cho vay là 375.000.000 đồng. Mặc dù trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ nhưng thỏa thuận miệng là trả vào cuối năm 2017. Tuyên nhiên, đến thời hạn trả nợ bên nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn cố tình không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu ông V, bà Th trả 375.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 375.000.000 đồng.

Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Kim Th trả số tiền 375.000.000 đồng. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền

giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của BLTTDS, bị đơn không chấp hành quy định của BLDS. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 bị đơn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông V, bà Th trả số tiền 375.000.000 đồng là có thật, thể hiện qua giấy mượn tiền đề các ngày 18/9/2012 (âm lịch) mượn số tiền 40.000.000 đồng; ngày 18/11/2012 (âm lịch) mượn số tiền 30.000.000 đồng; ngày 24/12/2013 (âm lịch) mượn số tiền 20.000.000 đồng; ngày 04/03/2015 (âm lịch) mượn số tiền 50.000.000 đồng; ngày 13/11/2015 (dương lịch) mượn số tiền 40.000.000 đồng; ngày 24/12/2015 (âm lịch) mượn số tiền 50.000.000 đồng; ngày 23/4/2016 (âm lịch) mượn số tiền 20.000.000 đồng; ngày 07/09/2016 (âm lịch) mượn số tiền 30.000.000 đồng; ngày 01/04/2017 (âm lịch) mượn số tiền 95.000.000 đồng. Tất cả các giấy đề mượn tiền đều có chữ ký của ông V, bà Th. Tại thời điểm ký xác nhận nợ các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì “...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Ông V, bà Th đã cố ý trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và cũng không phản đối việc nhận nợ đó nên đây là những sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị ông V, bà Th trả số tiền nợ 375.000.000 đồng, mặc dù trong các giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả tuy nhiên việc vay mượn tiền từ năm 2012 đến ngày 01/4/2017 bên nguyên đơn trình bày đã đến đòi nhiều lần và gọi điện thoại yêu cầu trả nợ nhưng bên bị đơn không có khả năng trả nên nguyên đơn đã khởi kiện. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bên bị đơn không hợp tác nên được coi như bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. HĐXX, thấy rằng: Ông V, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo 1 Điều 351 của BLDS năm 2015 “1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.

Tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự quy định về quyền đòi lại tài sản: “1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. 2.

Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ sự chiếm hữu của chủ thể đang có quyền khác đối với tài sản đó”.

Bên nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại tài sản mà bên ông V bà Th đang đang chiếm hữu đối với số tiền 375.000.000 đồng của ông N, bà C thông qua giao dịch dân sự nhưng không trả nên ông N, bà C yêu cầu trả số tiền 375.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về yêu cầu lãi suất: Bên nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 375.000.000 đồng.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật là $375.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.750.000 \text{ đồng}$.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 205 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị C.

Buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị C số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Th phải nộp 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 9.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000127 ngày 17/10/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhân

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Luân